

# LESSON 10

## BEFORE YOU READ

Circle Yes or No. Chọn YES hoặc NO THEO QUAN ĐIỂM CỦA BẢN THÂN

1. I have a Social Security card. Yes No  
2. I write the month before the day. Yes No  
(For example: October 27 or 10/27)

**READ** Đọc đoạn hội thoại sau. Đặc biệt chú ý đến các dạng mệnh lệnh in đậm.

Read the following conversation. Pay special attention to the imperative forms in bold.  3.1

Dorota: I have something for you. Look.

Halina: What is it?

Dorota: It's an application. It's for a Social Security card.

Halina: I'm not sure what to do.

Dorota: Don't worry. It's easy. Let me help.

Halina: OK. I have a pencil.

Dorota: No, no. Don't use a pencil. Use a blue or black pen.

Halina: OK.

Dorota: Here's a pen. Fill out all the information. Print the information, but sign your name in item 17.

Halina: I'm finished.

Dorota: What's your date of birth?

Halina: 11/6/80.

Dorota: Is your birthday in November?

Halina: No. It's in June.

Dorota: Don't write 11/6. Write the month, then the day.  
That's the way we write the date in the United States.

Halina: OK. 6/11/80.

Dorota: Don't write 80. Write 1980.

Halina: OK. I'm finished. What's next?

Dorota: Don't forget to sign your name. Find your  
original birth certificate. Then go to the  
Social Security office. Take your birth certificate  
and another identity document with you.



## DID YOU KNOW?

Identity documents include:

- driver's licenses
- marriage certificates
- passports
- school IDs (identification cards)
- birth certificates
- state-issued IDs



imperative (adj) mệnh lệnh

fill out (v.p) điền vào

sign (v) ký

way (n) cách

birth certificate (n.p) giấy khai sinh

document (n) tài liệu

application (n) đơn đăng ký

information (n) thông tin

finish (v) hoàn thành

forget (v) quên

office (n) văn phòng

another (adj) khác

Social (adj) xã hội

print (v) in

date of birth (n.p) ngày sinh

original (adj) nguyên bản, gốc

identity (n) xác thực

## COMPREHENSION

Based on the reading, write T for true or F for false.

Dựa vào bài đọc, ghi T cho câu đúng và F cho câu sai.

- \_\_\_\_\_ Halina knows how to fill out the application.
- \_\_\_\_\_ Halina's birthday is June 11.
- \_\_\_\_\_ Halina needs to take three identity documents to the Social Security office.

## WORDS TO KNOW

3.2

application	This is an <b>application</b> for a Social Security card. Please write your information.
let	<b>Let</b> me help you. I can answer your questions.
fill out	<b>Fill out</b> the application with a pen. Please complete it.
information	The application has a lot of questions. Write the <b>information</b> on the line.
print	<b>Print</b> your name. <i>Halina Laski</i>
sign	<b>Sign</b> your name. <i>Halina Laski</i>
birthday/date of birth	Ali's <b>birthday/date of birth</b> is April 3, 1985.
forget	<b>Don't forget</b> your Social Security number. It's an important identification number to remember.
copy	This is my original birth certificate. That is a <b>copy</b> .
birth certificate	A new baby gets a <b>birth certificate</b> .
identity document	My driver's license is an <b>identity document</b> . It says who I am.

## LISTEN

Listen to these instructions about how to fill out a Social Security card application. Circle True or False. 3.3

Hãy nghe những hướng dẫn về cách điền đơn xin cấp thẻ An sinh Xã hội. Khoanh tròn True-đúng hay False-sai.

1. <u>True</u>	False	5. True	False
2. True	False	6. True	False
3. True	False	7. True	False
4. True	False	8. True	False

## 3.1 Imperatives—Affirmative

Mệnh lệnh — Khẳng định

Chúng ta sử dụng dạng cơ bản của động từ (nguyên mẫu) ở thể mệnh lệnh.

We use the base form of the verb for the imperative.

EXAMPLES	VÍ DỤ	EXPLANATION	GIẢI THÍCH
Use a pen.		We use the imperative to give instructions or suggestions.	
Write your date of birth.		Ta sử dụng dạng mệnh lệnh để đưa ra hướng dẫn hoặc gợi ý.	
Look at this.		We use the imperative to get someone's attention.	Ta sử dụng dạng mệnh lệnh để thu hút sự chú ý của ai đó.
Help me, <i>please</i> .		We add <i>please</i> to be more polite.	
<i>Please</i> help me.		Ta thêm <i>please</i> - xin vui lòng để được lịch sự hơn.	

### EXERCISE 1 Match the parts of the sentences to make an affirmative imperative.

Nối các bộ phận của câu để tạo thành câu mệnh lệnh dạng khẳng định.

1. Make b a. your birth certificate with you.
2. Fill \_\_\_\_\_ b. a copy of your birth certificate. ✓
3. Go \_\_\_\_\_ c. a pen.
4. Use \_\_\_\_\_ d. to the Social Security office today.
5. Write \_\_\_\_\_ e. the month before the day.
6. Take \_\_\_\_\_ f. me, please.
7. Sign \_\_\_\_\_ g. out the application today.
8. I'm confused. Help \_\_\_\_\_ h. your name in item 17.

## 3.2 Imperatives—Negative Mệnh lệnh — Phủ định

EXAMPLES VÍ DỤ	EXPLANATION GIẢI THÍCH
Don't worry.	We use <i>don't</i> + the base form for the negative imperative.
Don't write 11/6 for June 11.	<i>Don't</i> is the contraction for <i>do not</i> .
Don't be late.	Ta sử dụng <i>don't</i> + dạng cơ bản của động từ (nguyên mẫu) <b>cho câu mệnh lệnh phủ định</b> . <i>Don't</i> là <b>dạng viết tắt của</b> <i>Do not</i> .

### GRAMMAR IN USE NGỮ PHÁP TRONG ĐỜI SỐNG

Look at how we often use *don't forget*. Hãy nhìn vào cách chúng ta thường sử dụng *Don't forget*.

*The party is tomorrow. Don't forget.*

***Don't forget*** your papers at home. (*Don't forget* + noun)

***Don't forget*** to sign your name. (*Don't forget* + infinitive)

### EXERCISE 2 Rewrite the sentences. Use the negative imperative.

Viết lại câu. Sử dụng câu mệnh lệnh dạng phủ định.

1. Forget your papers at home. Don't forget your papers at home.
2. Be late for your meeting. \_\_\_\_\_
3. Use a red pen. \_\_\_\_\_
4. Print your name. \_\_\_\_\_
5. Leave item 17 empty. \_\_\_\_\_
6. Write the day first. \_\_\_\_\_
7. Write with a pencil. \_\_\_\_\_
8. Go to the Social Security office on Sunday. \_\_\_\_\_

Điền vào chỗ trống với dạng mệnh lệnh khẳng định hoặc phủ định cho hợp nghĩa. Sử dụng các động từ trong hộp.

**EXERCISE 3** Fill in the blanks with an affirmative or negative imperative. Use the verbs from the box.

Answers may vary.

use	put	get	forget	write	take
-----	-----	-----	--------	-------	------

1. Don't get the application dirty.
2. Get a pencil to fill out your application.
3. Sign to sign your application at the end.
4. Take two forms of ID with you to the Social Security office.
5. Write all four numbers for the year (1980, not 80).
6. Put the day first in your date of birth.

**EXERCISE 4** Marta and Amy are in the kitchen. Fill in the blanks with one of the verbs from the box.

Then listen and check your answers.  3.4 | Marta và Amy đang ở trong bếp. Điền vào chỗ trống với một trong các động từ trong hộp. Sau đó, lắng nghe và kiểm tra câu trả lời của bạn.

don't ask	don't forget	don't touch	wash	say	come
tell	make	let	be	get	

**Amy:** Get me a sandwich, Mommy.

1.

**Marta:** I'm busy now. Later.

**Amy:** What's that?

**Marta:** It's my application. Your hands are dirty. wash the application.

2.

**Amy:** What's an application? And what's that?

**Marta:** An application is an important form. And this is my birth certificate.

Please ask so many questions. I'm busy now.

3.

**Amy:** I'm thirsty. Please get me a glass of milk.

4.

**Marta:** Later. Be quiet now, please, and let me finish.

5.

This is very important . . . OK. I'm finished now. How can I help you?

Please help me.

6.

**Amy:** Get me a sandwich.

7.

**Marta:** Say, "Please."

8.

**Amy:** Please.

**Marta:** And wash your hands. Use to use soap!

9.

**Amy:** Ok. Please come with me to wash my hands.

10.

11.

12.